

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 23/2019/DS-ST

Ngày: 18-11-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Dung
Ông Nguyễn Trường Thọ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường C - Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S

Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đồng T - Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng S (theo văn bản ủy quyền số 726/2019/UQ-TTT ngày 22/5/2019).

(Vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Cao Trần Hữu M sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 46, khu phố Tân P, phường Xuân T, thành phố Long K, tỉnh Đồng Nai.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 11 năm 2017, những lời khai tiếp theo và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Ngân hàng S (do ông Đồng T đại diện) trình bày:

Ngày 28/9/2011, Ngân hàng S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và anh Cao Trần Hữu M có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), với hạn mức sử dụng thẻ là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,15%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng anh M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 74.444.712đ (Bảy mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn bảy trăm mười hai đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay anh M đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 87.805.000đ (Tám mươi bảy triệu tám trăm lẻ năm ngàn đồng). Tổng số tiền thanh toán được áp dụng theo thứ tự các khoản phí hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Từ tháng 4/2016 do anh M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26/4/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/9/2017 anh M còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 22.322.932đ (Hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi hai ngàn chín trăm ba mươi hai đồng); trong đó, số tiền nợ gốc là 14.344.854đ (Mười bốn triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi tư đồng) và số tiền nợ lãi quá hạn là 7.988.078đ (Bảy triệu chín trăm tám mươi tám ngàn không trăm bảy mươi tám đồng).

Nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu anh M phải thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 18/11/2019 là 34.422.996đ (Ba mươi tư triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn chín trăm chín mươi sáu đồng); trong đó, số tiền nợ gốc là 14.344.854đ (Mười bốn triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi tư đồng) và số tiền nợ lãi quá hạn là 20.078.142đ (Hai mươi triệu không trăm bảy mươi tám ngàn một trăm bốn mươi hai đồng).

Ngoài ra, anh M còn phải có trách nhiệm thanh toán tiếp khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 19/11/2019 cho đến khi anh M trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn - anh Cao Trần Hữu M vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và người đại diện kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn - anh Cao Trần Hữu M không đến Tòa án làm việc. Tại phiên tòa hôm nay, cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vụ kiện;

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 21, 147, 262 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Cao Trần Hữu M có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 14.344.854đ (Mười bốn triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi tư đồng) và tiền lãi quá hạn (tính đến ngày 18/11/2019) là 20.078.142đ (Hai mươi triệu không trăm bảy mươi tám ngàn một trăm bốn mươi hai đồng).

+ Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, buộc anh M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngân hàng có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với anh Cao Trần Hữu M (hạn mức sử dụng thẻ là 20.000.000đồng). Tuy nhiên, đến ngày 26/4/2016 anh M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện đến Tòa án. Do đó có đủ cơ sở xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” ký kết giữa Ngân hàng và anh Cao Trần Hữu M đề ngày 28/9/2011 xác định địa chỉ của anh M tại số 18/27 Nguyễn Nhữ L, phường Phú Thọ H, quận Tân P, thành phố Hồ Chí Minh nên Ngân hàng đã khởi kiện anh M tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, qua nhiều lần xác minh tại công an phường Phú Thọ H đều xác nhận “*Anh M không đăng ký thường trú, tạm trú tại địa chỉ trên*”. Mặt khác, căn cứ sổ hộ khẩu anh M cung cấp cho Ngân hàng khi ký kết hợp đồng thể hiện anh M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Xuân T, thành phố Long K nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh để giải quyết theo thẩm quyền. Tại biên bản xác minh đề ngày 20/5/2019 tại công an phường Xuân T, thành phố Long K xác định “*Anh M có đăng ký thường trú và sinh sống tại địa phương*” và nguyên đơn có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn - anh Cao Trần Hữu M mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về đánh giá chứng cứ: Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện gồm: “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” đề ngày 28/9/2011; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S; Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh M không có ý kiến gì đối với các tài liệu này. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Như vậy, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu đòi tiền nợ gốc của nguyên đơn:

Căn cứ vào “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” đề ngày 28/9/2011, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho anh Cao Trần Hữu M với hạn mức sử dụng thẻ là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Đến ngày 26/4/2016, do anh M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Căn cứ vào bảng kê chi tiết giao dịch của khách hàng và bảng tóm tắt sao kê do đại diện nguyên đơn cung cấp, xét thấy có đủ cơ sở để xác định anh Cao Trần Hữu M đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng quốc tế Sacombank Master Card, số thẻ 472074-0809, số tiền anh M thực hiện các giao dịch, số tiền đã thanh toán, hiện anh M còn nợ gốc số tiền là 14.344.854đ (Mười bốn triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi tư đồng). **(1)**

Do đó, nguyên đơn yêu cầu anh M có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc trên là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu về tính lãi suất của nguyên đơn:

Căn cứ Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng quy định mức lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng quốc tế Master Card là 2,15%/tháng, lãi quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn là 3,225%/tháng. Xét thấy, mức lãi suất trên do các bên tự nguyện thỏa thuận tại điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, cần buộc anh M thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 18/11/2019) là 20.078.142đ (Hai mươi triệu không trăm bảy mươi tám ngàn một trăm bốn mươi hai đồng) cho Ngân hàng là phù hợp. **(2)**

Từ những phân tích, xét yêu cầu của Ngân hàng buộc anh Cao Trần Hữu M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng bao gồm nợ gốc và nợ lãi quá hạn: $(1) + (2) = 14.344.854đ + 20.078.142đ = 34.422.996đ$ (Ba mươi tư triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn chín trăm chín mươi sáu đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Ngoài ra, anh M có nghĩa vụ thanh toán tiếp cho Ngân hàng khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 19/11/2019 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:

Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 372; Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng S về việc “*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng*” đối với bị đơn - anh Cao Trần Hữu M.

1. Buộc anh Cao Trần Hữu M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S số tiền nợ của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank Master Card, số thẻ 472074-0809 (tính đến ngày 18/11/2019) là 34.422.996đ (Ba mươi tư triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn chín trăm chín mươi sáu đồng); trong đó, số tiền nợ gốc là 14.344.854đ (Mười bốn triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi tư đồng) và số tiền nợ lãi quá hạn là 20.078.142đ (Hai mươi triệu không trăm bảy mươi tám ngàn một trăm bốn mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- Anh Cao Trần Hữu M phải chịu 1.721.150đ (Một triệu bảy trăm hai mươi một ngàn một trăm năm mươi đồng) (34.422.996đ x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 558.324đ (Năm trăm năm mươi tám ngàn ba trăm hai mươi bốn đồng) theo biên lai thu số 0010528 ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND t. ĐN;
- VKSND TPLK;
- CTHADS Q.Tân Phú, TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Thùy Trang